

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 10/5/2022
V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Thọ; ông Dương Ngọc Hoàng

- Thư ký phiên tòa: ông Trịnh Minh Chử - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐ XXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ, ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X– Sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Th - Sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình Th được tự do tìm hiểu yêu thương nhau, cả hai tổ chức cưới vào ngày 10/4/2013, theo phong tục địa phương. Đến ngày 22/8/2014, vợ chồng mới đi làm thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không còn tình cảm nên đã sống ly thân nhau từ năm 2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A - sinh ngày 13/7/2014 và cháu Nguyễn Hải D - sinh ngày 10/12/2017. Cả hai cháu

đều đang ở với chị, nên chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu đến đủ tuổi thành niên, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình Th trong bản tự khai ngày khai ngày 20/12/2021, trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X kết hôn với nhau ngày 10/4/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị X làm đơn xin ly hôn anh nhất trí; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 13/7/2014 và cháu Nguyễn Hải D sinh ngày 10/12/2017. Cả hai cháu hiện đang ở với chị X, do điều kiện anh đi làm ăn không có thời gian chăm sóc con nên anh nhất trí giao con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên; về cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đình Th có đăng ký kết hôn và hiện đang cư trú tại xã C. Mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh chị không báo cáo chính quyền.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc A có bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị X được ly hôn anh Th. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Hải D cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị X phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Đình Th có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình Th có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đình Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị X và anh Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị X là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A - sinh ngày 13/7/2014 và cháu Nguyễn Hải D - sinh ngày 10/12/2017, cả hai cháu hiện nay đều đang ở với mẹ. Chị X và anh Th đều thống nhất giao cả hai cháu cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Thị Ngọc A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, để ổn định tâm lý và điều kiện học tập cho các cháu, nên giao cả hai cháu cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị X không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X. Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đình Th.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A - sinh ngày 13/7/2014 và cháu Nguyễn Hải D - sinh ngày 10/12/2017. Giao chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A và cháu Nguyễn Hải D đến đủ tuổi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị X.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền

lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010265, ngày 02/11/ 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị X đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đình Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh